TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **68** */2017/HNGĐ-ST*
Ngày: 6- 9- 2017
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Anh

2. Bà Lê Thị Kiều Hương

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 257/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2017, về việc tranh chấp: Ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2017, giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơ*n: Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1979. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn X, xã ĐT, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2.Bị đơn: Nguyễn Văn D, sinh năm 1976. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn X, xã ĐT, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2017, bản khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Năm 1998 bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Hạnh (nay là xã ĐT), huyện H, tỉnh Bình Thuận. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẩn, sống không có hạnh phúc. Vì ông D hay ghen tuông và

thường xuyên đánh đập bà. Mỗi khi ông D uống rượu vào là gây gỗ và đánh đập bà. Bản thân bà đã chịu đựng suốt 13 năm trời. Đến năm 2012, do không thể chung sống được với ông D, nên bà L đã bỏ nhà ra đi và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến ngay. Nay bà L xin được ly hôn.

Bà L và ông D có với nhau 02 con chung là: Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 5/7/1999 và Nguyễn Thái A, sinh ngày 15/01/2001.Bà L yêu cầu được nuôi con Nguyễn Thái A và không yêu cầu cấp dưỡng, vì hiện tại cháu A sống với bà từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, hiện tại bà L làm nghề buôn bán, thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng. Riêng cháu M đã hơn 18 tuổi, nên không tranh chấp.

Về tài sản chung không tranh chấp.

Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Văn D trình bày: Việc kết hôn và con cái như lời trình bày của bà L là đúng. Sau khi cưới về vợ chồng sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do bà L thường hay bỏ nhà đi 2 đến 3 ngày mới về; trong những lần vợ chồng cải vã với nhau, đôi khi ông D cũng đánh vợ vài ba tát tai. Đến năm 2012 bà L bỏ nhà đi không về, trong thời gian này ông D không biết bà L ở đâu, làm gì. Nay bà L về xin ly hôn thì ông mới gặp. Ông D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Ông D có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu bà Lcấp dưỡng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải được nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục*: Việc khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn D đã tự nguyện đăng ký kết hôn đúng pháp luật, nên được bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do ông D ghen tuông và uống rượu, rồi gây gỗ với nhau. Theo bà L thì tình trạng này kéo dài nhiều năm. Do vậy, bà L đã bỏ nhà ra đi hơn 05 năm nay vợ chồng không hề gặp lại. Còn ông D không muốn ly hôn, vì vẫn còn yêu thương vợ

con và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Thực tế thì vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay, nhưng ông D cũng không tìm kiếm để khuyên nhủ, động viên bà L trở lại chung sống, mà bỏ mặc. Hơn nữa, quá trình hòa giải bà L cương quyết ly hôn, chứ không đồng ý quay về chung sống với ông D. Tuy trong giai đoạn chuẩn bị xét xử ông D không đồng ý ly hôn, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Vì vậy, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp Điều 55 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về con chung*: Bà L ông D có 02 con chung, hiện cháu lớn đã đủ 18 tuổi, nên Tòa án không xem xét. Riêng cháu Nguyễn Thái A chưa đủ 18 tuổi, cả bà L và ông D đều có nguyện vọng nuôi cháu A. Xét thấy cháu A hiện đang sống cùng bà L từ ngày cha, mẹ ly thân đến nay và bà L có sức khỏe, thu nhập ổn định, hơn nữa cháu A cũng muốn sống với mẹ. Do đó, tiếp tục giao cháu A cho bà L nuôi là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Văn D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản không tranh chấp, nên không xem xét. Tại phiên tòa ông D có yêu cầu bà L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cha của ông D. Xét thấy yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn D

Xử:

1.Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L được quyền nuôi con Nguyễn Thái A, sinh ngày 15/01/2001. Ông Nguyễn Văn D được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.Về án phí: Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0013149 ngày 18/7/2017. Bà L đã nộp đủ án phí.

3.Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 6/9/2017 để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dõn sự.

Nơi nhận
TAND tỉnh
VKSND huyện
THADS huyện
Các đương sự
Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái